TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **19**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2022
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Viết Xứng**
Ông **Phạm Văn Giới**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Hường** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Phạm Công T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: QL 14, ấp Cầu 2, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (*xin vắng mặt*)

*Bị đơn: **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Suối Giai, ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh B (*xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Công T trình bày:

Về hôn nhân: anh Phạm Công T và chị Nguyễn Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B.

Sau khi đăng ký kết hôn, chưa tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chưa về chung sống với nhau thì giữa anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cả hai không có sự thông cảm cho nhau nên đã tự nguyện chia tay nhau. Anh T xác định tình cảm giành cho chị N đã thực sự hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: chị N và anh Phạm Văn T kết hôn một cách tự nguyện vào năm 2017 tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B.

Sau khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, chị N và anh T chưa tổ chức đám cưới và chưa về chung sống cùng nhau thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm với nhau nên giữa chị N và anh T tự nguyện chia tay. Nay, chị N xác định tình cảm giành cho anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên trước yêu cầu ly hôn của anh T thì chị N cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Công T đối với chị Nguyễn Hồng N.

Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1.Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là anh Phạm Công T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N và không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, đây là vụ án *"Ly hôn "* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là chị Nguyễn Hồng N cư trú tại Suối Giai, ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao (tống đạt) đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công T và chị Nguyễn Hồng N chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2017. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi đăng ký kết hôn, anh T và chị N chưa tổ chức đám cưới và chưa về chung sống với nhau. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm với nhau nên giữa chị N và anh T tự nguyện chia tay. Vì vậy, trên thực tế cuộc hôn nhân này chưa làm phát sinh quyền và nghĩa

vụ của chồng, vợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị N đều xác định tình cảm giành cho nhau đã hết nên đều thống nhất ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho anh Phạm Công T được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N là phù hợp.

[2] Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên thống nhất là không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho anh Phạm Công T được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N.

2. Về con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do các bên xác định là không có và không yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, anh Phạm Công T phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018569 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THA huyện Đồng Phú;*
- *UBND phường T (cqđkkh);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương